TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM**
QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **171**/2023/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 09 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

Ông **Trương Quốc T** – sinh ngày: 10/04/1986. HKTT: 377/12/11 H, quận T, TP Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: 03 B, tổ 36 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Bà **Lê Từ Thị Chi N** – sinh ngày: 05/01/1989; HKTT: 03 B, tổ 36 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Từ Thị Chi N và ông Trương Quốc T kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận số 84/2011 quyển số 01/2010 ngày 29/6/2011. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm

hiểu nhau đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, Bà Lê Từ Thị Chi N và ông Trương Quốc T xác định: Sau khi kết hôn hai bên về sống tại tổ 36 phường N, quận S, TP Đà Nẵng. Năm 2020 hai phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T thường xuyên vắng nhà nên cả hai thiếu sự tin tưởng nhau về mặt tình cảm, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Hai bên sống ly thân nhau từ 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống. Nay ông bà xác định không còn yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà Lê Từ Thị Chi N và ông Trương Quốc T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, chung thủy quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà N, ông T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà N, ông T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Lê Từ Thị Chi N và ông Trương Quốc T xác định có 02 con chung Trương Thái K– sinh ngày 29/6/2012 và Trương Thái A – sinh ngày 04/08/2020. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao 2 con cho bà Lê Từ Thị Chi N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Trương Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con và quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: bà N, ông T tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: bà N, ông T xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà N, ông T mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003932 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Lê Từ Thị Chi N và ông Trương Quốc T *(Giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 1 ngày 29/6/2011 do UBND phường N, quận S, Đà Nẵng cấp không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Bà Lê Từ Thị Chi N và ông Trương Quốc T xác định có 02 con chung Trương Thái K– sinh ngày 29/6/2012 và Trương Thái A – sinh ngày 04/08/2020. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao 2 con cho bà Lê Từ Thị Chi N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Trương Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà N, ông T tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Các vấn đề khác: bà N, ông T xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà N, ông T mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền

tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003932 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S, ĐN;
- Chi cục THADS quận S, ĐN;
- UBND phường N, quận S, Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh